

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Nguyễn Phi Khanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Minh L**, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện tạm trú: ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ngân hàng N**. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: ấp V, xã X, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/01/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/01/2021, nguyên đơn chị Phan Thị Minh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N thành hôn vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/8/2004. Thời gian chung sống được khoảng 18 năm, trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc do anh N chửi bới, đánh đập chị; xúc phạm đến chị và cha mẹ ruột chị. Ngày 09/01/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh N đánh chị gây thương tích nên không thể tiếp tục chung sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phan Văn T, sinh ngày 08/10/2003 (đã chết ngày 03/7/2020 âm lịch) và Nguyễn Phan Thiên M, sinh ngày 17/3/2017 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung:

+ Phần đất vườn diện tích 3.854,4m², thửa số 218, tờ bản đồ số 20 có gắn liền căn nhà tường cấp 4 và phần đất ruộng diện tích 5.231,3m², thửa số 222, tờ bản đồ số 20. Cả 02 phần đất tọa lạc tại ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long và do anh N đứng tên Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất.

+ 02 con bò, giá trị mỗi con là 40.000.000đ, hiện anh N đang quản lý.

Nay chị yêu cầu được hưởng toàn bộ diện tích phần đất ruộng và toàn bộ cây trồng gắn liền trên đất; để anh N hưởng toàn bộ phần đất vườn, toàn bộ cây trồng và căn nhà tường cấp 4 gắn liền trên đất. Chị xin hưởng giá trị 01 con bò là 40.000.000đ.

- Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N số tiền 100.000.000đ, chị yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả 50.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Giữa anh và chị L kết hôn được 18 năm, có đăng ký kết hôn và có với nhau 02 con chung gồm 01 trai và 01 gái (con trai chết vào năm 2020, con gái được 04 tuổi). Sau khi kết hôn đến nay vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn và anh có đánh vợ 01 bạt tay dẫn đến vợ bị chấn thương, anh biết anh có lỗi, xin nhận lỗi và không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị L vì còn thương vợ và con rất nhiều. Xin được hàn gắn vợ chồng, anh sẽ khắc phục những lỗi lầm của anh và cố gắng làm ăn để nuôi con nên người. Về con chung anh không đồng ý để vợ nuôi con vì anh rất thương con và không thể xa con được, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản chung gồm phần đất vườn diện tích 3.54,4m², thửa số 218 và phần đất ruộng diện tích 5.231,3m², thửa số 222 và 02 con bò. Chị L yêu cầu hưởng toàn bộ phần đất ruộng diện tích 5.231,3m², thửa số 222 thì anh không đồng ý. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng N số tiền 100.000.000đ, mỗi người có nghĩa vụ trả 50.000.000đ thì anh đồng ý.

Tại văn bản (Đơn đề nghị vắng mặt) ngày 02/3/2021, Ngân hàng N trình bày: Hiện tại thời điểm này thì ông N và bà L đang còn dư nợ tại Ngân hàng N với số tiền là 100.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 7305LVA 202004615, ngày vay 21/10/2020; ngày trả nợ cuối cùng 20/10/2021; lãi đóng đến ngày 31/12/2020; thế chấp thửa đất số 222, tờ bản đồ số 20, diện tích 5.231,3m², đang trồng dừa 05 năm tuổi. Hộ vay thực hiện tốt theo hợp đồng tín dụng đã ký, đóng lãi đúng theo quy định. Ngân hàng N không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu đến hạn trả nợ mà ông N, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng kiện ông bà vụ kiện khác.

Tại văn bản (Biên bản hòa giải) ngày 10/3/2021, chị L và anh N thống nhất về tài sản chung và nợ chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về hôn nhân chị L yêu cầu xin ly hôn, anh N xin đoàn tụ. Về con chung chị L yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh N không đồng ý, anh N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh N, chị đã cho anh N nhiều cơ hội nhưng anh N không thay đổi tính tình. Về con chung yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N trình bày: Anh xác định còn thương vợ thương con, xin được đoàn tụ. nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì con chung anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phan Thị Minh L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản với anh Nguyễn Văn N cư trú tại ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có đơn xin vắng mặt ngày 02/3/2021. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phan Thị Minh L và anh Nguyễn Văn N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 436 vào ngày 30/8/2004 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị L và anh N thường phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, ấu đả nhau do anh N có rượu vào nóng tính chửi bới đánh đập chị L và vợ chồng ly thân từ ngày 12/01/2021 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị L và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Nguyễn Phan Thiên M, sinh ngày 17/3/2017 hiện đang sống trực tiếp với chị L, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chị L yêu cầu là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 25/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét việc anh N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là không đủ cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ con chung là bé gái và còn rất nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc chu đáo của người mẹ. Trong khi anh N hiện đang sống một mình, khi có rượu vào thì hay nóng tính sẽ ảnh hưởng đến đời sống của con vì theo anh N trình bày trước đây anh cũng đã bị đưa đi cải tạo về hành vi gây rối trật tự công cộng. Vì vậy nếu giao con chung cho anh N nuôi dưỡng thì anh N sẽ không đảm bảo điều kiện để nuôi con tốt bằng chị L.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Minh L phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị Minh L. Xử cho chị L ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Phan Thiên M, sinh ngày 17/3/2017 cho chị Phan Thị Minh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 25/3/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phan Thị Minh L nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 6.531.000đ (*Sáu triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0016717 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Hoàn trả lại chị L số tiền chênh lệch là 6.231.000đ (*Sáu triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng*).

Buộc anh Nguyễn Văn N nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Giấy chứng nhận kết hôn số 436 ngày 30/8/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An